

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (viết tắt là Đề án 06); Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo; Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 16/TB-VPCP ngày 28/01/2023 của Văn phòng Chính phủ thông báo Kết luận Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Đề án 06 và tổng kết hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022 ngày 25/12/2022; kết luận của đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng Tổ công tác triển khai Đề án 06 của Chính phủ tại văn bản số 434/TB-TCTTKĐA ngày 27/01/2023, UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp, hoàn thành các nhiệm vụ Đề án 06 trong năm 2023, kịp thời triển khai ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công cuộc chuyển đổi số.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã; phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Đề án 06 các cấp trong chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06.

3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ Đề án 06 bảo đảm đáp ứng yêu cầu đặt ra. Xử lý nghiêm trách nhiệm đối với những tập thể, cá nhân có thái độ cầm chừng, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo, thực hiện Đề án 06, đặc biệt trong triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Sử dụng các điều kiện hạ tầng công nghệ có sẵn của tỉnh và tiếp tục đầu tư, nâng cấp để đảm bảo triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06, bảo đảm an ninh, an toàn và bảo mật thông tin doanh nghiệp và công dân.

II. NỘI DUNG VÀ PHÂN CÔNG NGHIỆM VỤ

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai

1.1. Tham mưu, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị đẩy mạnh triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục chỉ đạo, quán triệt nâng cao trách nhiệm, phát huy vai trò người đứng đầu của các đơn vị, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 03/2023.

1.2. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương để kịp thời tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho cấp cơ sở.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên.

1.3. Bố trí kinh phí để triển khai Đề án 06 đảm bảo hiệu quả, đồng bộ.

Đơn vị theo dõi, đôn đốc: Sở Tài chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023 và duy trì thường xuyên trong những năm tiếp theo.

1.4. Khảo sát điều tra cơ bản theo đặc thù vùng miền để áp dụng, triển khai Đề án cho phù hợp.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02/2023.

1.5. Thực hiện chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên dữ liệu, thời gian thực theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch, cá thể hóa trách nhiệm, đề cao vai trò người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 02/2023.

1.6. Tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh có chính sách miễn, giảm phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 06/2023.

2. Công tác tuyên truyền

- Nội dung tuyên truyền:

+ Tuyên truyền, kết quả thực hiện Đề án 06, nhất là các tiện ích người dân, doanh nghiệp được hưởng.

+ Tuyên truyền, vận động người dân chưa được cấp CCCD chủ động đến cơ quan công an để thực hiện thu nhận hồ sơ cấp CCCD.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn người dân đăng ký, kích hoạt tài khoản định danh điện tử; khai thác, sử dụng tài khoản định danh điện tử và các tiện ích được Bộ Công an cung cấp trên ứng dụng VneID.

+ Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân sử dụng tài khoản định danh xác thực điện tử để đăng nhập, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp trên các Cổng dịch vụ công trực tuyến (Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành Trung ương).

+ Tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ và hướng dẫn của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an về 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công tại Bộ phận một cửa để người dân biết, thực hiện.

+ Tuyên truyền về việc thực hiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng thẻ Căn cước công dân gắn chip tại các cơ sở khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh.

- Hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng/Trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội của các cơ quan, đơn vị, địa phương, hệ thống thông tin cơ sở; pano, áp phích, tờ rơi, màn hình điện tử... Tạo mã QRcode để người dân truy cập trung tâm hướng dẫn các nghiệp vụ về định danh điện tử, dịch vụ công.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Báo Gia Lai; Đài Phát thanh và Truyền hình Gia Lai.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Hoàn thiện chính sách pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư, phát triển ứng dụng khoa học công nghệ

3.1. Tiếp tục rà soát các văn bản pháp luật triển khai định danh và xác thực điện tử, đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Phối hợp Bộ Công an, Bộ Tư pháp trong quá trình sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền

sửa đổi, bổ sung, thêm mới, bãi bỏ, thay thế văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với tiến độ kết nối, tích hợp, khai thác, chia sẻ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và triển khai định danh, xác thực điện tử.

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3.2. Chủ động nghiên cứu, triển khai Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/9/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; tiếp tục hoàn thiện kết quả rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến triển khai Đề án 06 phù hợp với quy định tại Nghị định số 59/2022/NĐ-CP và chịu trách nhiệm về các phương án đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật; chủ động tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ, ngành, địa phương.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3.3. Triển khai thi hành Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

Thời gian thực hiện: Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định.

3.4. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (Nghị định số 104/2022/NĐ-CP) và 07 phương thức khai thác, sử dụng thông tin công dân trên thẻ Căn cước công dân gắn chip hoặc trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thay cho việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Trên cơ sở Quyết định công bố của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính theo quy định; rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh (nếu có), tham mưu UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP và các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

- Quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc quy định về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, hướng dẫn Bộ Công an.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Tăng cường quán triệt, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tại đơn vị, địa phương trong quý I, II năm 2023 và duy trì thường xuyên.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về cách thức thực hiện tra cứu, khai thác thông tin công dân và quy trình tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh sau khi đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 06/2023.

3.5. Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an trong khuôn khổ các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Công an tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các sở, ban, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

4.1. Tập trung hoàn thành và triển khai các dịch vụ công thiết yếu còn lại (tại Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 26/01/2022, văn bản số 741/UBND-NC ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: Sau khi có văn bản hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan.

4.2. Hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã cung cấp trên môi trường mạng; đồng thời, rà soát đánh giá và tái cấu trúc toàn bộ các dịch vụ công đã cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia bảo đảm đáp ứng nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 9/2023.

4.3. Rà soát đánh giá và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu thuộc thẩm quyền của tỉnh (tại Đề án 06 và Quyết định 442/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi

trường, Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giao thông vận tải; Công an tỉnh; Cục Thuế tỉnh; Điện lực Gia Lai; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2023.

4.4. Kết nối các dịch vụ công trực tuyến với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.5. Chủ động hướng dẫn, tổ chức triển khai số hóa, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện thông qua mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.6. Rà soát từng dịch vụ công, thực hiện cắt giảm các thành phần hồ sơ đã sử dụng dữ liệu dân cư (*đặc biệt là lĩnh vực tư pháp và tài nguyên môi trường*) để nâng cao chất lượng, không để mất niềm tin của người dân với các dịch vụ công của Chính phủ. Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bãi bỏ các thủ tục hành chính có yêu cầu xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú và tái cấu trúc quy trình dịch vụ công để thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tư pháp.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

4.7. Rà soát, cải tiến quy trình tiếp nhận, hướng dẫn hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tại Bộ phận Một cửa các cấp theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, động lực để cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, phục vụ tốt hơn.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2023.

4.8. Nghiên cứu triển khai dịch vụ công linh hoạt, sáng tạo để thu hút người dân thực hiện (*tại các khu dân cư, hội trường thôn, làng, tổ dân phố, ...*); thành lập mô hình “Dịch vụ công trực tuyến” (*bố trí máy tính kết nối internet, máy scan và niêm yết các dịch vụ công thiết yếu*) để hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Đơn vị thực hiện: UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

4.9. Lựa chọn những nhóm thủ tục hành chính gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp để tập trung triển khai thực chất, thuận lợi, kịp thời, hiệu quả; thay đổi tư duy từ “làm thay, làm hộ” sang hỗ trợ, hướng dẫn để nâng cao kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ các đối tượng yếu thế (người già, người khuyết tật, ...); chú trọng tuyên truyền, hướng dẫn người dân tộc thiểu số, các nhóm đối tượng có trình độ công nghệ thông tin còn hạn chế thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thay đổi thói quen sử dụng hồ sơ giấy sang sử dụng hồ sơ điện tử, từng bước hình thành công dân số, xã hội số.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ngành, ban tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.10. Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn; đẩy mạnh việc thực hiện ký số trên thiết bị di động; nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.11. Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2023.

4.12. Yêu cầu 100% cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang chỉ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.13. Tiếp tục rà soát, kiện toàn, bố trí trang thiết bị tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính

phủ. Đẩy nhanh tiến độ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó:

- Đối với cấp tỉnh, cấp huyện: Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với cấp xã: Bảo đảm 100% kết quả thẩm tra, xác minh và kết quả trả lời của các cơ quan, đơn vị tham gia trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; kết quả giải quyết của quyết thủ tục hành chính phải được ký số, cập nhật theo quy định trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06: Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đối với các dịch vụ công còn lại: Thực hiện đầy đủ quy trình số hóa tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày 01/6/2023.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thực hiện thường xuyên theo lộ trình.

4.14. Tập huấn quy trình số hóa dữ liệu cho cán bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Trong quý II/2023.

4.15. Xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu lưu trữ kết quả số hóa giải quyết thủ tục hành chính điện tử của tỉnh; thiết lập kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để đảm bảo số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Trong quý III/2023.

4.16. Chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế về cấu trúc thông tin, dữ liệu và các yêu cầu kỹ thuật kết nối để triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu về hồ sơ sức khỏe người lái xe lên hệ thống của Bộ Giao thông Vận tải thực hiện dịch vụ công Cấp đổi, cấp lại giấy phép lái xe của Bộ Giao thông Vận tải theo văn bản số 7586/BYT-KCB ngày 30/12/2022 của Bộ Y tế về liên thông dữ liệu Giám khám sức khỏe lái xe phục vụ Đề án 06.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

4.17. Hoàn thành và đưa vào vận hành chính thức Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa của tỉnh.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

4.18. Hoàn thành kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa trong toàn quốc, thống nhất, hiệu quả.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3/2023.

4.19. Hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2023.

4.20. Triển khai theo dõi, giám sát, đánh giá các chỉ tiêu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dân cư từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xác thực, định danh và giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính của Cổng Dịch vụ công tỉnh.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.21. Quán triệt cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã không yêu cầu công dân xuất trình các giấy tờ khác chứng nhận thông tin đã có trên thẻ Căn cước công dân gắn chip và thực hiện nghiêm túc 07 phương thức thay thế Sổ hộ khẩu khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP. Tra cứu, khai thác thông tin cá nhân qua chức năng của hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia để giải quyết thủ tục hành chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Phát triển kinh tế - xã hội

5.1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở y tế, bệnh viện sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh. Bố trí, trang bị đầu đọc thẻ Căn cước công dân theo quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đảm bảo 100% các cơ sở khám, chữa bệnh triển khai thực hiện.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông.

Thời gian hoàn thành: Trong quý I/2023.

5.2. Chỉ đạo, hướng dẫn các trường học thực hiện thu phí không dùng tiền mặt *(theo hướng dẫn tại văn bản số 2741/BGDĐT-KHTC ngày 29/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.

Đơn vị thực hiện: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.3. Các cơ quan, ban ngành không yêu cầu người dân xác nhận chứng minh thư 9 số vì đã có trên mã QR của thẻ CCCD gắn chip.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Trung tâm Phục vụ hành chính công; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.4. Chỉ đạo, hướng dẫn tất cả các cơ sở lưu trú trên địa bàn bao gồm: khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ, cơ sở khám, chữa bệnh và các cơ sở khác có chức năng lưu trú thực hiện thông báo lưu trú qua ứng dụng VneID theo hướng dẫn của Bộ Công an, không thông báo lưu trú trực tiếp.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian hoàn thành: Trong quý II/2023.

5.5. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai.

Đơn vị phối hợp: UBND cấp huyện; UBND cấp xã

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3/2023.

5.6. Khai thác các tính năng của chip điện tử gắn trên thẻ Căn cước công dân và ứng dụng VneID trong các lĩnh vực của đời sống, xã hội nhất là các lĩnh vực chuyển đổi số mạnh nhất như: Ngân hàng (mở tài khoản, nhận biết khách hàng, thanh toán, cho vay, ví điện tử...), tài chính, viễn thông, điện, nước.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Sau khi có hướng dẫn triển khai của các bộ, ngành Trung ương.

6. Phát triển công dân số

6.1. Đẩy mạnh thu nhận hồ sơ cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip và cấp tài khoản và hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh, xác thực điện tử VneID.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6.2. Nghiên cứu, ứng dụng thẻ Căn cước công dân gắn chip, ứng dụng VneID và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tích hợp các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và tài khoản định danh điện tử để dần thay các loại giấy tờ công dân, trước mắt là việc thay thế Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú từ ngày 01/01/2023.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3/2023.

7. Xây dựng hệ sinh thái, dữ liệu dùng chung

7.1. Các địa phương chưa số hóa sổ hộ tịch theo quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP thì triển khai nhập dữ liệu từ Sổ hộ tịch trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo 02 Quy trình số 1050 ngày 09/11/2022 và Quy trình số 1292 ngày 20/12/2022 của Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Phần đầu hoàn thành trong quý II/2023.

7.2. Làm sạch dữ liệu của các ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, đất đai, nhà ở, dữ liệu của các hội, đoàn thể và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức hội, đoàn thể.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.3. Thực hiện chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu để cập nhật dữ liệu trẻ em vào phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở (*Văn bản số 2513/LĐTBXH-TTTT ngày 14/7/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; văn bản số 1563/UBND-NC ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh*).

Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.4. Khẩn trương hoàn thành, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 03/2023.

7.5. Triển khai giải pháp hỗ trợ Sở Tư pháp và UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh dùng chung hạ tầng của ngành Công an trong việc đăng ký khai sinh, cấp sổ định danh cá nhân tại cấp xã đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp; Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Thời gian thực hiện: Sau khi có hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

7.6. Cập nhật, làm sạch dữ liệu tiêm chủng Covid-19.

Đơn vị thực hiện: Sở Y tế; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian hoàn thành: Trong quý II/2023.

7.7. Thực hiện thu thập thống kê, rà soát, cập nhật làm sạch các dữ liệu đảm bảo thông tin công dân luôn “đúng, đủ, sạch, sống” theo hướng dẫn của các bộ, ngành, cơ quan.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.8. Triển khai giải pháp hỗ trợ sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lưu trữ, quản lý các dữ liệu liên quan đến công dân trong trường hợp chưa có cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Công an.

7.9. Khai thác dịch vụ xác thực thông tin đối với các đương sự, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng... trên cổng dịch vụ của Tòa án nhân dân để phục vụ triển khai tố tụng điện tử và xét xử trực tuyến.

Triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với hệ thống quản lý án điện tử của Tòa án nhân dân xác minh định danh điện tử đối với thông tin liên quan đến đương sự, bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng hoặc xác minh thông tin chứng cứ của vụ án phục vụ cho hoạt động của Tòa án điện tử.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu công bố bản án, quyết định của Tòa án. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu về hồ sơ vụ án của Tòa án nhân dân.

Đơn vị thực hiện: Tòa án nhân dân tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi có hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an và Cơ sở dữ liệu của Tòa án nhân dân đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.10. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

Đơn vị thực hiện: Sở Tài chính.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.11. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng, Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý tài sản, thu nhập.

Đơn vị thực hiện: Thanh tra tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi các cơ sở dữ liệu đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Khoa học và công nghệ.

Đơn vị thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về Khoa học và công nghệ đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.13. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức.

Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi Cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.14. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội.

Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi Cơ sở dữ liệu an sinh xã hội đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.15. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu thông tin Quyết định thi hành các biện pháp ngăn chặn đối với công dân đang trong quá trình điều tra; Cơ sở dữ liệu thống kê tư pháp, thống kê tội phạm; các Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công chức, viên chức trong ngành.

Đơn vị thực hiện: Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi các cơ sở dữ liệu đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.16. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Đơn vị thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.17. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu của ngành Tư pháp như Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc tịch, Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý, Cơ sở dữ liệu về công chứng, Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự nói chung.

Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp; Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Sau khi các cơ sở dữ liệu đảm bảo điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

8. Đảm bảo an ninh, an toàn thông tin

8.1. Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0).

Đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng các hệ thống, cơ sở dữ liệu; khẩn trương khắc phục những hạn chế, bất cập về lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quản lý, kiểm tra, bảo trì, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm việc kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ

tục hành chính tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công.

Đề xuất các nội dung cần đầu tư, trang bị công nghệ thông tin trong năm 2023 và các năm tiếp theo theo hướng dẫn tại văn bản số 1552/BTTTT-THH theo đúng quy định, phù hợp với thực tế của đơn vị, địa phương để đảm bảo cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của toàn tỉnh kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đơn vị thực hiện: Sở Thông tin và Truyền Thông; Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành có liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 3/2023 và tiếp tục triển khai trong các năm tiếp theo.

8.2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2022 – 2025 trên địa bàn tỉnh năm 2023 (*Kế hoạch số 2167/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh*); tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kỹ năng số, kỹ năng bảo mật thông tin trên môi trường mạng, thành thạo sử dụng công nghệ thông tin, nghiệp vụ phục vụ cho yêu cầu công việc và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền Thông.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Thời gian hoàn thành: Trong tháng 6/2023.

8.3. Rà soát, điều động các đồng chí được đào tạo, có kinh nghiệm về công nghệ thông tin, đặc biệt là an toàn thông tin thực hiện chuyên trách công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tại các đơn vị.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền Thông.

Thời gian thực hiện: Trong quý I/2023 và tiếp tục duy trì thường xuyên.

8.4. Tập trung xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp, hiệu quả về đào tạo, tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, nhất là nhân lực chất lượng cao; hạn chế tình trạng chảy máu chất xám. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đổi mới phương thức, lề lối làm việc, kiên quyết xử lý theo đúng quy định những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, tự ý đặt ra thủ tục hành chính không đúng quy định hoặc để chậm, muộn hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Nghiên cứu, đánh giá kiện toàn về mô hình, nhân sự phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số nói chung và thực hiện Đề án 06 nói riêng.

Đơn vị thực hiện: Sở Nội vụ.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8.5. Triển khai thực hiện cơ chế thanh tra, kiểm tra cán bộ sử dụng dữ liệu công dân qua khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; qua việc kết nối, chia sẻ

khai thác dữ liệu với các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp, đảm bảo đúng mục đích, đúng yêu cầu, phòng chống lộ lọt dữ liệu.

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh.

Đơn vị phối hợp: UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các sở, ban, ngành có liên quan.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

9.1. Thực hiện nhiệm vụ thống kê, phân tích dân số đảm bảo nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm chi phí nhà nước.

Đơn vị thực hiện: Cục Thống kê tỉnh; Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9.2. Khai thác thông tin tổng hợp, phân tích từ Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư góp phần hoạch định chính sách theo yêu cầu.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; phân công nhiệm vụ, lộ trình cụ thể để thực hiện, gửi về UBND tỉnh (qua Công an tỉnh) **trước ngày 02/3/2023** để theo dõi.

- Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố phải thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, nắm sát nhiệm vụ, lộ trình, tiến độ thực hiện và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện Đề án 06 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình phụ trách.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã tập trung chỉ đạo các Ban Chỉ đạo Đề án 06 cấp huyện, cấp xã, thôn, làng, tổ dân phố phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ Đề án 06 trên địa bàn.

2. Chế độ thông tin, báo cáo

Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo định kỳ hàng tháng tình hình, kết quả thực hiện Đề án 06 về Công an tỉnh (qua Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Đ/c Nguyễn Thiện Tú, SĐT: 0983.589579 hoặc gửi bản mềm qua mail: thientu86@gmail.com) **trước ngày 15 hàng tháng**.

3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh và Công an tỉnh tham mưu UBND tỉnh công tác thi đua khen thưởng trong thực hiện Đề án 06.

4. Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; theo dõi, tổng hợp, tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết và đề xuất các hình thức khen thưởng hàng năm của các đơn vị, địa phương trong triển khai Đề án 06.

Nhận được Kế hoạch, yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận: Hà.

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Công an (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, các tổ chức Hội, đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh;
- BCH Quân sự tỉnh; BCH BDP tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh; Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh; Điện lực Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Gia Lai;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Hải Long